

Số: /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;  
Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4401/TTr-SNNMT ngày 29/4/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Chủ sở hữu cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Chủ sở hữu vật nuôi phải di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

d) Chủ thể có quyền khác đối với tài sản liên quan đến việc bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

## **Điều 2. Đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

1. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây hằng năm, cây lâu năm, cây dược liệu, hoa, cây cảnh thuộc lĩnh vực trồng trọt: Chi tiết tại Phụ lục I.

2. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với rừng tự nhiên, rừng trồng: Chi tiết tại Phụ lục II.

3. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản: Chi tiết tại Phụ lục III.

4. Hỗ trợ di dời vật nuôi: Chi tiết tại Phụ lục IV.

## **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Trường hợp khi kiểm kê, lập phương án bồi thường thiệt hại một số loại cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng chưa được quy định trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, xem xét vận dụng đơn giá các loại cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng tương đương theo mức giá quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này để lập và phê duyệt phương án bồi thường. Trường hợp không có cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng tương đương thì cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng xác định khối lượng, giá trị thiệt hại thực tế và các quy định của pháp luật để lập đơn giá bồi thường, hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quyết định này phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể theo quy định.

2. Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển (cây con trong vườn ươm, cây trồng bằng giá thể, cây trồng trong chậu, cây trồng làm cảnh) thì chủ sở hữu cây trồng chỉ được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại.

3. Đối với cây lâm nghiệp khi kiểm đếm thực tế xuất hiện những cây trồng chưa có trong bảng đơn giá thì tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12619-2:2019 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố 5 nhóm (từ nhóm I đến nhóm V) cho các loại gỗ sử dụng khác; Phụ lục I Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm, loài động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp để xác định đơn giá bồi thường, hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quyết định này phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể theo quy định.

4. Đối với các loại cây mọc tự nhiên (*cây không nằm trong đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*) nhưng được chăm sóc, bảo vệ thì tính bồi thường bằng đơn giá cây cùng loại, cùng nhóm hoặc có giá trị tương đương để xác định đơn giá bồi thường, hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quyết định này phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể theo quy định.

5. Về áp dụng mật độ cây trồng lâm nghiệp trong bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Đối với cây rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, cây rừng tự nhiên giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng, quản lý, chăm sóc, bảo vệ thì tiền bồi thường được phân chia cho người quản lý, chăm sóc, bảo vệ theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

7. Mật độ cây trồng quy định tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này là mật độ để xác định giá trị bồi thường thiệt hại (mật độ chuẩn). Trường hợp cây trồng thấp hơn mật độ chuẩn thì giá trị bồi thường đối với cây trồng được xác định bằng đơn giá cây trồng nhân (x) với số lượng cây thực tế khi kiểm đếm. Trường hợp cây trồng vượt quá mật độ chuẩn (*cây trồng vẫn sinh trưởng phát triển bình thường*) thì giá trị bồi thường đối với cây trồng được xác định bằng đơn giá cây trồng nhân (x) với số lượng cây theo mật độ chuẩn.

8. Đối với trường hợp trên một đơn vị diện tích gieo trồng nhiều loại cây có chu kỳ sinh trưởng, sản xuất kinh doanh khác nhau: Diện tích gieo trồng được tính cho cả cây trồng chính và cây trồng xen nhưng không vượt quá mật độ quy định của mỗi loại cây và không vượt quá 02 (hai) lần diện tích canh tác.

9. Đối với cây ương, cây mới trồng được tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường, hỗ trợ.

10. Đối với cây trồng là cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây giống gốc, cây trội có chứng nhận (*công nhận*) của cơ quan có thẩm quyền, đang trong thời gian khai thác, mức bồi thường được tính bằng 03 (ba) lần so mức bồi thường của loại cây tương ứng tại Quyết định này.

11. Đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi được xem xét điều chỉnh trong trường hợp có nội dung chưa phù hợp, phát sinh mới hoặc các yếu tố hình thành đơn giá có biến động tăng hoặc giảm từ 20% trở lên.

12. Nguyên tắc hỗ trợ di dời vật nuôi:

a) Chỉ hỗ trợ di dời vật nuôi của chủ sở hữu tài sản, được tạo lập trước thời điểm có thông báo thu hồi đất và văn bản kiểm đếm thống kê số lượng vật nuôi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.

b) Việc hỗ trợ di dời trên nguyên tắc kiểm đếm thống kê thực tế số lượng, khối lượng vật nuôi trên diện tích đất bị thu hồi tại thời điểm kiểm đếm thống kê và phải di dời thực tế.

c) Khoảng cách di dời vật nuôi là khoảng cách thực tế từ nơi đi đến nơi đến được xác định trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

#### **Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định đơn giá bồi thường thiệt hại**

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi cho từng dự án cụ thể, làm cơ sở lập, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 3 Quyết định này.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

c) Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

d) Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất để hỗ trợ cho chủ sở hữu vật nuôi khi phải di dời trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường cây trồng, vật nuôi trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

b) Đối với dự án chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường cây trồng, vật nuôi thì thực hiện theo Quyết định này.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, tổng hợp năng suất, sản lượng cây trồng, biến động đơn giá cây trồng để kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường đề hướng dẫn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền, quy định.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Quyết định này sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

### **Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC, CNN&XD.

Kiennt.T5/2026

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**